

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HS-PT

Ngày: 12-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2023/TLPT-HS ngày 26 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Trần Văn Hữu T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2023/HS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo: Trần Văn Hữu T, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 187/2 ấp Thanh Lại, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Khu phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Quách Thị N; vợ: Hồ Thị Xuân H; con: có 01 người con sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 613/QĐ-XPHC ngày 28/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 17.500.000 đồng về hành vi *thuê hoặc lôi kéo người khác đánh nhau và mua, bán, tàng trữ vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép* (đã nộp phạt ngày 08/11/2022); bị bắt tạm giam từ ngày 01/10/2022 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại có liên quan đến kháng cáo: Bà Phạm Thị Thúy D, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số nhà 220/1 ấp An Bình, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Hữu T là nhân viên của Ngân hàng HD - Chi nhánh huyện T, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian làm việc, Trần Văn Hữu T và bà Phạm Thị Thúy D có quan hệ làm ăn với nhau, khi có người làm hồ sơ đáo hạn ngân hàng, T sẽ liên hệ bà D cho vay tiền để hưởng lãi suất. Sau đó, T không làm cho ngân hàng HD nữa mà chuyển sang làm chuyên viên quan hệ khách hàng (cá nhân) của ngân hàng B tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Trong thời gian tập sự, T không được phân công lĩnh vực tín dụng, không phụ trách các hồ sơ vay của khách hàng. Do thiếu nợ ngoài xã hội với lãi suất cao, không có khả năng trả nợ nên T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản để trả nợ. T đã lợi dụng sự quen biết với bà D vào ngày 26/5/2022, T gọi điện, nhắn tin qua điện thoại và Zalo cho bà D nói dối rằng có khách hàng tại ngân hàng B nơi T làm cần vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), hồ sơ vay mới do anh Nguyễn Bùi Hiếu Thiện Th phụ trách. Do đã làm ăn với T nhiều lần nên bà D tin tưởng đồng ý cho vay và thống nhất lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, trong vòng 05 ngày sẽ trả đủ gốc và lãi. Để bà D tin tưởng, T mượn số tài khoản của ông Th nhưng bị từ chối không cho nên T mượn tài khoản của Phạm Thị PH L là đồng nghiệp của T. Khi mượn tài khoản của L, T nói do tài khoản của T bị lỗi không nhận chuyển khoản được do người khác chuyển trả tiền cho T nên L đồng ý cho T số tài khoản. Sau khi có được số tài khoản x của L, T nhắn tin cho bà D và nói tài khoản của khách hàng và yêu cầu bà D chuyển khoản vào số tài khoản này. Đến ngày 27/5/2022, bà D chuyển số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) từ tài khoản của bà D số x lập tại ngân hàng Aribank và số tài khoản x tại ngân hàng B của L. Sau khi nhận được tiền, L thông báo cho T biết, T nói L rút 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền mặt đưa cho T và chuyển khoản 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) vào số tài khoản 0970002121990 của T. Sau khi nhận tiền, T trả cho Bùi Thị L với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) trong tài khoản của T do L chuyển, sau đó T rút trả cho người tên Công ở Tiền Giang, không rõ địa chỉ cụ thể. Đến hạn, bà D đòi tiền nhưng T không có khả năng trả nợ nên T nhờ bạn là Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1995, đăng ký thường trú: 52/43 Nguyễn Hữu C, phường T, Quận x, thành phố Hồ Chí Minh (là đồng nghiệp của T khi còn làm cho ngân hàng HD). T soạn sẵn nội dung tin nhắn: “khoản vay bị chậm do hồ sơ sai địa chỉ nên cần thêm thời gian để giải ngân” và gửi cho H nhờ H gửi lại cho T qua Zalo. Sau đó, T sửa tên H trên tài khoản Zalo và lưu thành tên Th rồi chụp màn hình điện thoại gửi nội dung tin nhắn cho bà D để bà D tin tưởng hồ sơ đáo hạn bị sai sót nên chưa có tiền trả nhằm kéo dài thời gian. Đồng thời T cho bà D số điện thoại x, nói là số điện thoại của anh Th để bà D liên hệ (nhưng thực tế là số điện thoại của H). Sau đó, bà D liên hệ ngân hàng B và biết không có ai vay đáo hạn. Bà D liên hệ với T thì T thừa nhận việc nói dối với bà D nhằm có tiền trả nợ chứ thực tế không ai vay đáo hạn nên bà D đến Cơ quan Công an tố giác.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số máy MGCN3LL/A, số seri: F2LF9P70D46, gắn sim số x ;

- Các tài liệu sao chụp từ tin nhắn điện thoại do bà Phạm Thị Thúy D , bà Phạm Thị PH L giao nộp được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Văn Hữu T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Ngoài ra, bị cáo có bác ruột là Trần Văn Ch là bộ đội phục viên tham gia nghĩa vụ quốc tế tại Campuchia. Nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2023/HS-ST ngày 20-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Hữu T phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn Hữu T 08 (tám) năm tù, thời hạn tù T h từ ngày 01/10/2022;

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 107 của Bộ luật Tổ tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số máy MGCN3LL/A, số seri: F2LF9P70D46, gắn sim số x được niêm phong trong phong bì ghi chữ “Điện thoại di động của Trần Văn Hữu T bị tạm giữ khi bắt bị can để tạm giam, mật khẩu 2222” có dòng chữ ghi Phan Văn Chí L , Trần Văn Hữu T và dấu tròn đỏ của Công an thị trấn T theo Quyết định chuyển vật chứng số: 06/QĐ-VKS ngày 24/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 04/5/2023, bị cáo Trần Văn Hữu T kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và yêu cầu xem xét trả lại điện thoại Iphone 12 Promax số máy MGCN3LL/A, số seri: F2LF9P70D46, gắn sim số x cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm. Bị cáo giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và yêu cầu được nhận lại điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax của bị cáo do bị cáo cho rằng đây không

phải là điện thoại dùng liên lạc với bị hại.

- Bị hại Phạm Thị Thúy D trình bày phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 100.000.000 đồng. Bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Văn Hữu T phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Văn Hữu T 08 năm tù. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm xong bị cáo có tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 100.000.000 đồng, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tại cấp phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới, vì vậy kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo có cơ sở chấp nhận; đối với kháng cáo của bị cáo yêu cầu được nhận lại điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận một phần kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Hữu T từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù T h từ ngày 01/10/2022. Áp dụng các Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 107 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số máy MGCN3LL/A, số seri: F2LF9P70D46, gắn sim số x . Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị hại không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo lo cho gia đình và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại kết hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định:

Do thiếu nợ bên ngoài xã hội mất khả năng chi trả nên Trần Văn Hữu T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trần Văn Hữu T lợi dụng việc quen biết, làm ăn chung với bà Phạm Thị Thuý Dung về việc cho vay tiền đáo nợ ngân hàng. Ngày 26/5/2022, T nhắn tin, gọi điện thoại cho bà D nói có khách hàng cần vay số tiền 300.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và thoả thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, hẹn trong vòng 5 ngày trả cả gốc và lãi, nhưng thực tế là để trả tiền thiếu nợ của T. T cung cấp thông tin và số tài khoản của chị Phạm Thị PH L, là bạn đồng nghiệp với T và nói dối với bà Dung: L là khách hàng. Đồng thời để bà D thêm tin tưởng, T còn nói hồ sơ vay đáo hạn ngân hàng do anh Nguyễn Bùi Hiếu Thiện Th Th phụ trách. Bà D tưởng thật nên đã chuyển khoản vào số tài khoản của chị PH L số tiền 300.000.000 đồng. T nhờ chị L rút số tiền 200.000.000 đồng đưa cho T để trả cho bà Bùi Thị L, số tiền 100.000.000 đồng chị L chuyển vào số tài khoản của T theo yêu cầu. Sau đó T đã rút hết tiền trả nợ cho người tên Công ở tỉnh Tiền Giang. Đến hạn trả tiền nhưng T không có khả năng trả tiền cho bà D nên đã nhờ ông Nguyễn Ngọc H nhắn tin vào tài khoản zalo của T (nội dung tin nhắn do T tự soạn và gửi cho H), sau đó T thay đổi tên tài khoản của H trên phần mềm zalo của T thành tên Th và chụp hình màn hình gửi cho bà D để kéo dài thời gian trả tiền. Sau đó bà D biết được việc T lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã tố giác.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; vì động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bị hại với số tiền 300.000.000 đồng; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Văn Hữu T phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và yêu cầu được nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số máy MGCN3LL/A, số seri: F2LF9P70D46, gắn sim số x, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến T h chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; không có tiền án nhưng có nhân thân xấu, đã có tiền sự vì

bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *thuê hoặc lôi kéo người khác đánh nhau và mua bán, tàng trữ vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép*. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như *người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *bị cáo có bác ruột là ông Trần Văn Ch là bộ đội phục viên tham gia nghĩa vụ quốc tế tại Campuchia* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 08 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Mặc dù bị cáo có nhân thân không tốt, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *thuê hoặc lôi kéo người khác đánh nhau và mua bán, tàng trữ vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép*, chưa được xóa tiền sự; bị cáo phạm tội có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng bởi T h chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn. Tuy nhiên; xét thấy sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có người thân có công với đất nước, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm xong thì bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 100.000.000 đồng, bị hại có đơn xin bãi nại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị hại cũng yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tại cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm cho bị cáo và áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo yêu cầu được nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số máy MGCN3LL/A, số seri: F2LF9P70D46, gắn sim số x. Xét thấy, trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T , tỉnh Bến Tre khi lập Biên bản bắt bị can để tạm giam vào ngày 01/10/2022 có thu giữ 01 (một) điện thoại di động kiểu máy Iphone 12 Promax, số máy MGCN3LL/A, số seri: F2LF9P70D46, gắn sim số x . Tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm bị cáo thừa nhận dùng điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số máy MGCN3LL/A, số seri: F2LF9P70D46, gắn sim số x để liên lạc với bị hại Dung. Vì vậy xác định đây là pH tiện, công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, do đó Toà án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là đúng quy định tại Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo kháng cáo yêu cầu được nhận lại

điện thoại hiệu Iphone 12 Promax, số máy MGCN3LL/A, số seri: F2LF9P70D46, gắn sim số x là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, xử phạt bị cáo từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo yêu cầu nhận lại điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số máy MGCN3LL/A, số seri: F2LF9P70D46, gắn sim số x là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn Hữu T ; sửa Bản án sơ thẩm số: 22/2023/HS-ST ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Bến Tre về phần hình phạt;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn Hữu T 06 (sáu) năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Thời hạn tù T h từ ngày 01/10/2022.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu nhận lại điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số máy MGCN3LL/A, số seri: F2LF9P70D46, gắn sim số x của bị cáo Trần Văn Hữu T ; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 22/2023/HS-ST ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Bến Tre về phần xử lý vật chứng;

Căn cứ vào các Điều 106, 107 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng các Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự;

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số máy MGCN3LL/A, số seri: F2LF9P70D46, gắn sim số x được niêm phong trong phong bì ghi chữ “Điện thoại di động của Trần Văn Hữu T bị tạm giữ khi bắt bị can để tạm giam, mật khẩu 2222” có dòng chữ ghi Phan Văn Chí L , Trần Văn Hữu T và dấu tròn đỏ của Công an thị trấn T theo Quyết định chuyển vật chứng số: 06/QĐ-VKS ngày 24/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều

23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Trần Văn Hữu T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện T (3b);
- VKSND huyện T (1b);
- Công an huyện T (1b);
- Chi cục THADS huyện T (1b);
- UBND thị trấn T, huyện T (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông